

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN D  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Thành

Ông Phạm Thanh Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 03-8-2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, nơi cư trú: Tổ 7, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, nơi cư trú: Tổ 7, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là Chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành

phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong vấn đề kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ năm 2012 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Chị và anh N sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thành K, sinh ngày 22-12-2010 và cháu Phạm Thành T, sinh ngày 11-6-2012. Do từ khi ly thân đến nay, hai con chung sinh sống cùng anh N nên khi ly hôn, chị đề nghị giao cả 02 con chung cho anh Phạm Văn N tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh N 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với Chị T. Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống và xác minh mâu thuẫn qua gia đình anh N.

Trước khi mở phiên tòa, Chị T có đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho Chị T được ly hôn anh N. Về con chung: Đề nghị giao cho anh N trực tiếp nuôi hai cháu Phạm Thành K, sinh ngày 22-12-2010 và cháu Phạm Thành T, sinh ngày 11-6-2012; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của Chị T về việc có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 10-2022 đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không đề nghị xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Ngô Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Văn N cư trú tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, Chị T, anh N đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị T và anh N.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Ngô Thị T và anh Phạm Văn N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc từ năm 2010 đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại nơi Chị T, anh N cư trú xác định: Chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau hơn 10 năm nay, không còn quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Nay, Chị T làm đơn xin ly hôn, anh N không cung cấp lời khai, không có đề nghị hay có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của Chị T về việc xin ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh tại địa phương, đại diện gia đình cho thấy: Hai con chung của Chị T và anh N là Phạm Thành K, sinh ngày 22-12-2010 và cháu Phạm Thành T, sinh ngày 11-6-2012 ăn ở, sinh hoạt ổn định với anh N và gia đình anh N hơn 10 năm nay, gia đình anh N có đủ các điều kiện nuôi và chăm sóc hai cháu. Mặt khác, hai cháu là Phạm Thành Khới và Phạm Thành T cũng đều có nguyện vọng tiếp tục ở với anh N. Vì vậy, đề nghị của Chị T về việc giao hai con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vấn

đề cấp dưỡng nuôi con, Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh N 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 10-2022 đến khi các con đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

- Về tài sản chung:

[5] Chị T và anh N không yêu cầu giải quyết,

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Ngô Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị T và anh N đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Phạm Thành K, sinh ngày 22-12-2010 và cháu Phạm Thành T, sinh ngày 11-6-2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của Chị T: Chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh N số tiền 1.500.000 đồng/tháng (mỗi cháu 750.000 đồng/tháng) kể từ tháng 10-2022 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi anh N có đơn yêu cầu thi hành án, Chị T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002847 ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Ngô Thị T và anh Phạm Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H (ĐKKH số 43/2010);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**